ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-271/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi và lượng mưa nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu có xu thế lên theo triều, khu vực nội đồng mực nước lên chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp ngày 27/9 trên các sông, kênh ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 từ 15-45cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 10-30cm, riêng tại Khánh An cao hơn TBNN khoảng 20-25cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất ngày 27/9 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 25-65cm, mực nước thấp nhất ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 27/9 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 và thấp hơn TBNN từ từ 10-60cm
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 27/9 ở mức 60cm, thấp hơn 05cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lũ thượng nguồn và triều cường nên mực nước trên các sông, kênh tiếp tục lên và đạt mức cao nhất trong 1-2 ngày tới, sau biến đổi chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên theo triều, đỉnh triều cao nhất khả năng xuất hiện từ ngày 28-29/9 (ngày 18/19/8 Âm Lịch).
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch có xu thế lên nhanh trong những ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên theo triều, đỉnh triều cao nhất trong 5 ngày tới ở mức xấp xỉ BĐ1.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại các xã Phú Tân, Chợ Mới, Nhơn Mỹ và Mỹ Hòa Hưng, ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức và Mỹ Thới.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất tại địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 29/9/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	27/9		26/9						28/9	29/9	30/9	01/10	02/10
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	348	4	▲	31	▲	-11	▼	351	352	351	348	344
					Hmin	315	2	▲	17	▲	-28	▼	315	321	323	323	322
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	291	7	▲	48	▲	40	▲	297	300	298	295	290
					Hmin	217	7	▲	23	▲	5	▲	224	232	235	238	238
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	447	0	◀▶	16	▲	20	▲	449	450	449	448	446
					Hmin	445	0	◀▶	21	▲	24	▲	446	447	447	446	445
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	320	6	▲	44	▲	2	▲	326	329	331	333	330
					Hmin	277	5	▲	25	▲	-22	▼	280	285	288	288	287
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	268	12	▲	58	▲	64	▲	275	275	272	267	260
					Hmin	165	10	▲	24	▲	21	▲	174	180	184	185	183
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	293	7	▲	47	▲	27	▲	300	302	301	298	293
					Hmin	225	5	▲	20	▲	-8	▼	231	236	241	244	245
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	320	-1	▼	47	▲	29	▲	321	323	326	329	331
					Hmin	319	1	▲	49	▲	32	▲	318	318	322	325	327
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	175	0	◀▶	58	▲	22	▲	176	178	180	182	184
					Hmin	174	1	▲	59	▲	25	▲	173	175	177	179	181
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	156	0	◀▶	57	▲	45	▲	157	159	161	163	165
					Hmin	155	1	▲	59	▲	52	▲	155	157	159	161	163
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	139	0	◀▶	46	▲	35	▲	140	142	144	146	148
					Hmin	137	0	◀▶	47	▲	39	▲	138	140	142	144	146
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	144	0	◀▶	37	▲	32	▲	145	147	149	151	153
					Hmin	143	0	◀▶	39	▲	38	▲	143	145	147	149	151
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	199	6	▲	26	▲	3	▲	205	210	214	218	220
					Hmin	194	7	▲	22	▲	1	▲	199	204	209	213	217
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	184	1	▲	30	▲	34	▲	185	187	189	190	191
					Hmin	181	1	▲	29	▲	33	▲	182	184	187	188	189
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	121	-1	▼	23	▲	29	▲	122	123	125	127	128
					Hmin	120	0	◀▶	22	▲	33	▲	120	121	123	125	127
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	161	0	◀▶	41	▲	7	▲	163	166	170	174	178
					Hmin	160	1	▲	44	▲	10	▲	160	163	166	170	174
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	188	2	▲	30	▲	37	▲	192	195	197	198	197
					Hmin	184	0	◀▶	32	▲	37	▲	187	191	194	195	195
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	242	5	▲	26	▲	25	▲	246	249	251	252	250
					Hmin	233	5	▲	25	▲	25	▲	236	240	243	245	244

Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**180**	3 ▲	26 ▲	17 ▲	184	187	190	191	191
					Hmin	**166**	2 ▲	26 ▲	11 ▲	171	175	178	181	181
	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**142**	2 ▲	26 ▲	32 ▲	144	146	149	152	153
					Hmin	**139**	0 ◆	29 ▲	35 ▲	139	142	145	149	149
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**113**	1 ▲	23 ▲	18 ▲	114	116	118	120	121
					Hmin	**111**	0 ◆	25 ▲	19 ▲	112	113	115	117	118
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**59**	-1 ▼	3 ▲	5 ▲	66	68	72	76	78
					Hmin	**7**	0 ◆	-4 ▼	4 ▲	15	17	18	19	22
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**60**	-5 ▼	-2 ▼	9 ▲	70	74	81	88	91
					Hmin	**5**	0 ◆	10 ▲	19 ▲	6	4	1	-2	-5

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◆ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

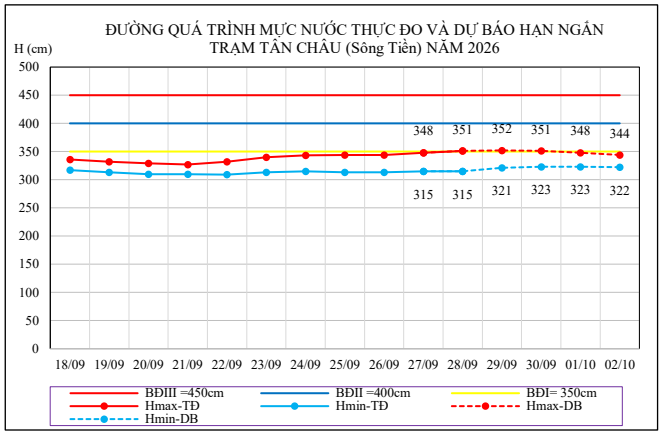

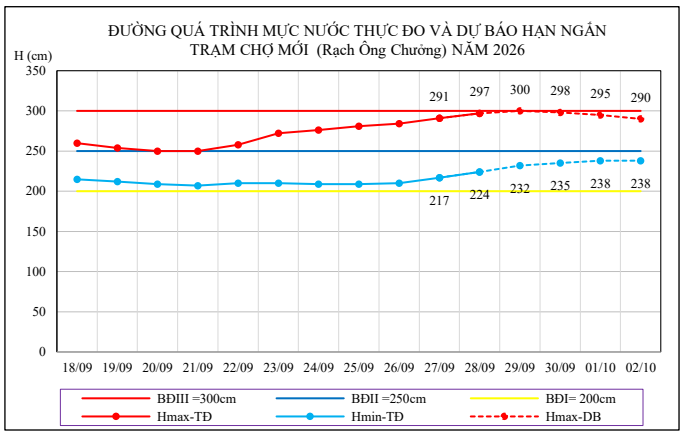

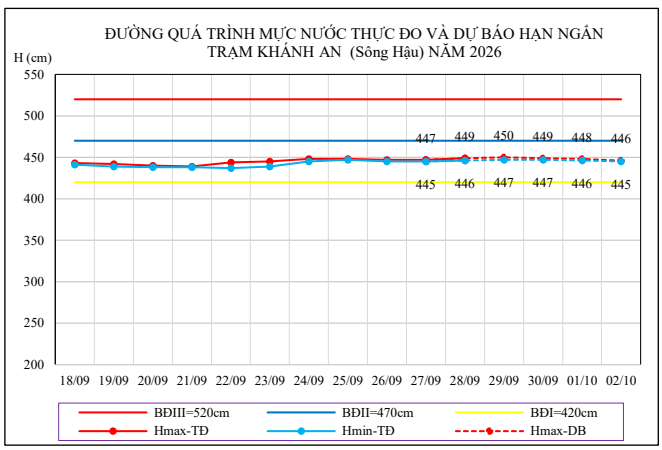

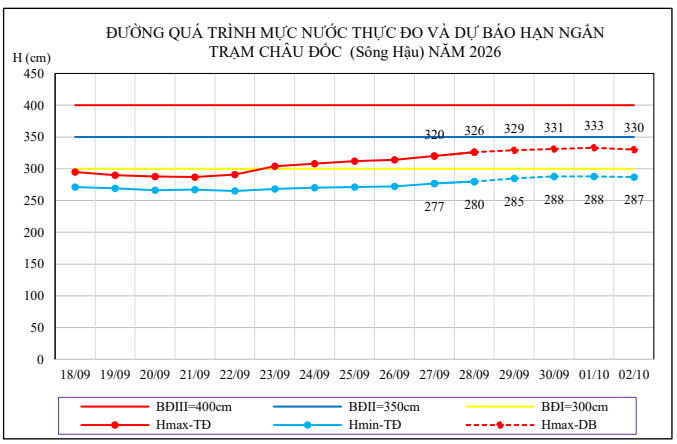

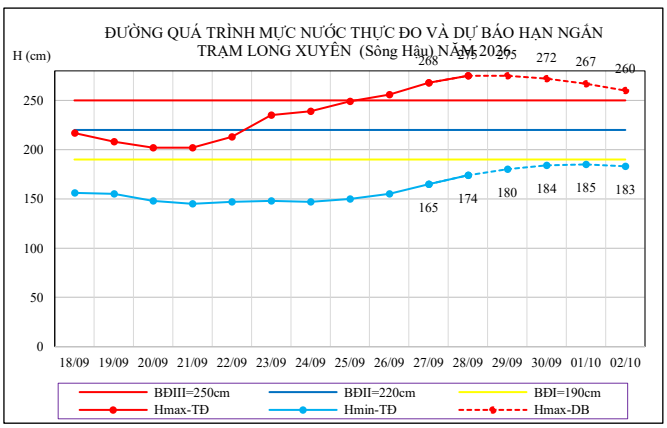

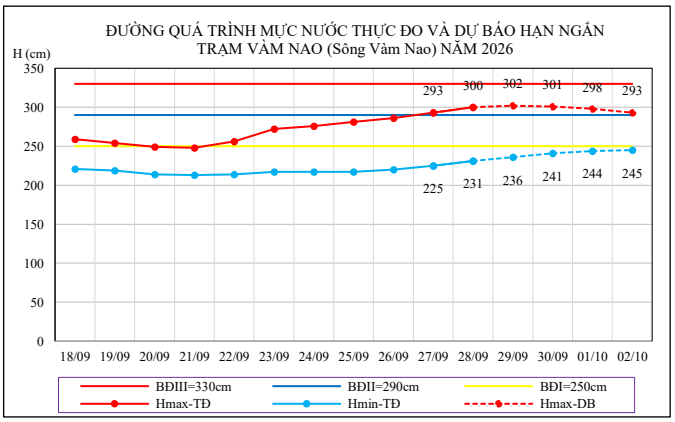

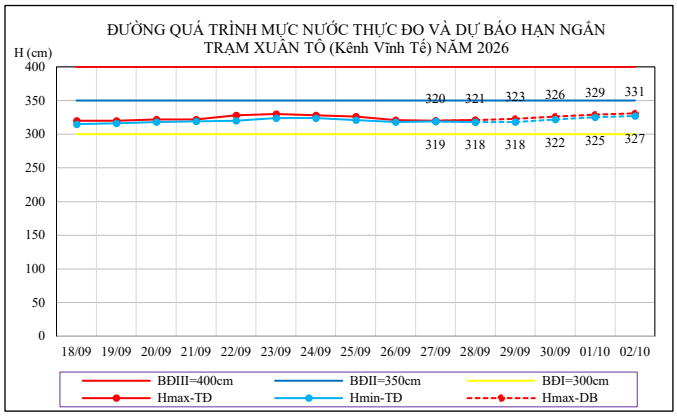
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
400
350
300
250
200
150
100
50
0
320 321 323 326 329 331
319 318 318 322 325 327
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
BĐIII=400cm
BĐII=350cm
BĐI=300cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

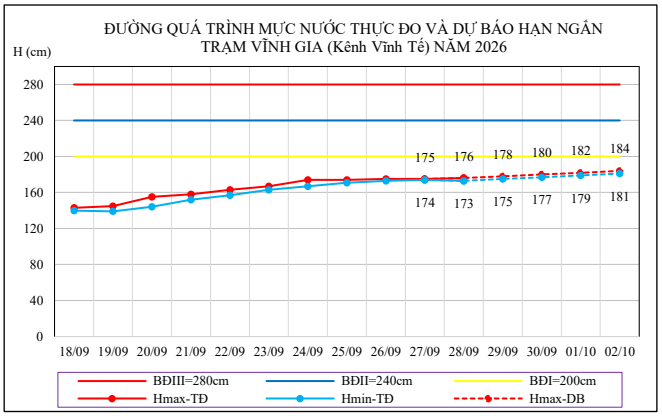
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
280
240
200
160
120
80
40
0
175 176 178 180 182 184
174 173 175 177 179 181
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

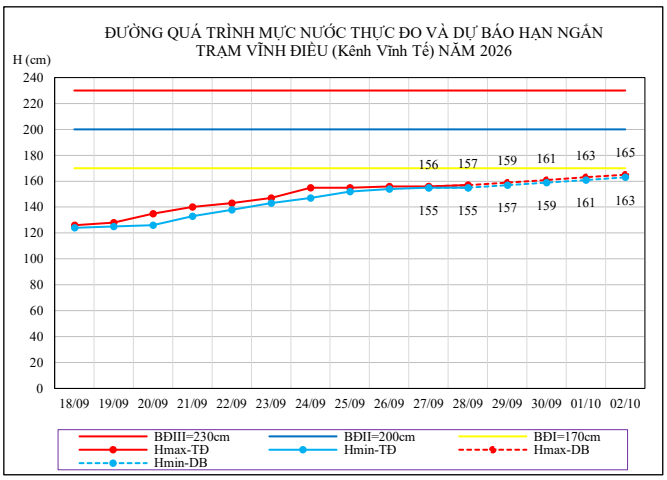
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
240
220
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
156 157 159 161 163 165
155 155 157 159 161 163
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
BĐIII=230cm
BĐII=200cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

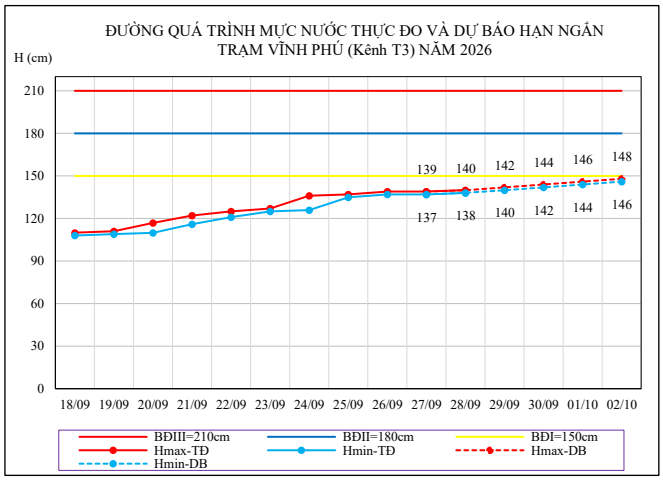
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
210
180
150
120
90
60
30
0
139 140 142 144 146 148
137 138 140 142 144 146
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
BĐIII=210cm
BĐII=180cm
BĐI=150cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

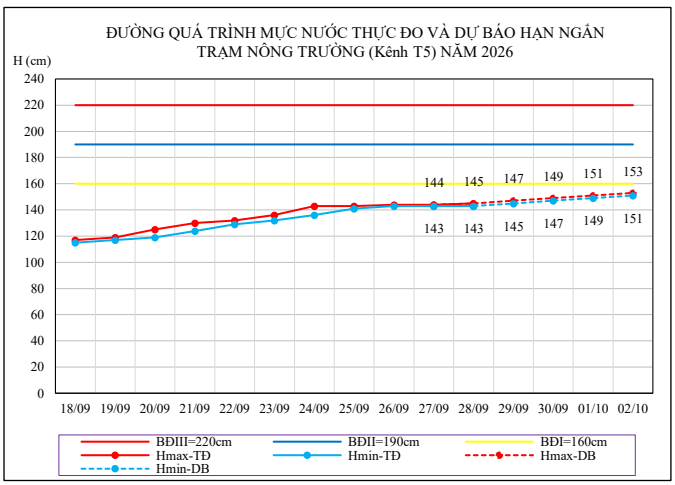
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
240
220
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
144 145 147 149 151 153
143 143 145 147 149 151
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
BĐIII=220cm
BĐII=190cm
BĐI=160cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

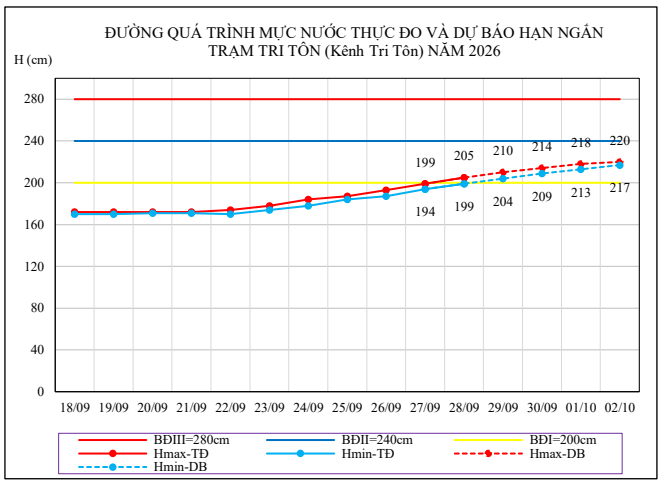
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
280
240
200
160
120
80
40
0
199 205 210 214 218 220
194 199 204 209 213 217
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

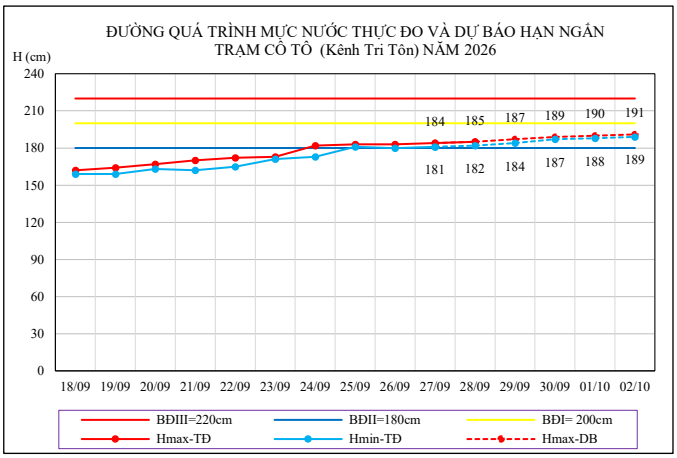
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
240
210
180
150
120
90
60
30
0
184 185 187 189 190 191
181 182 184 187 188 189
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI= 200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

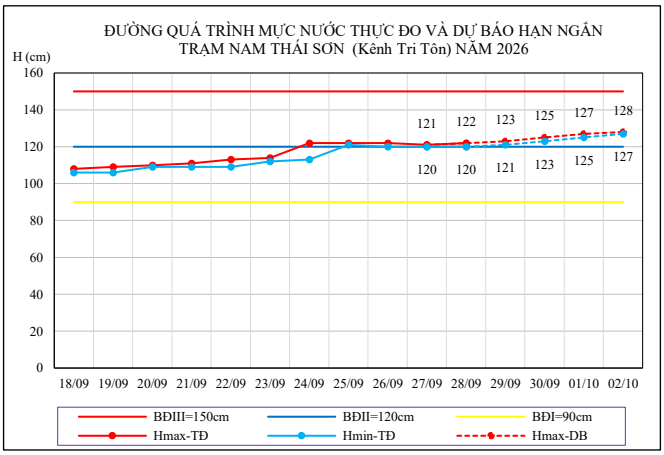
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
160
140
120
100
80
60
40
20
0
121 122 123 125 127 128
120 120 121 123 125 127
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

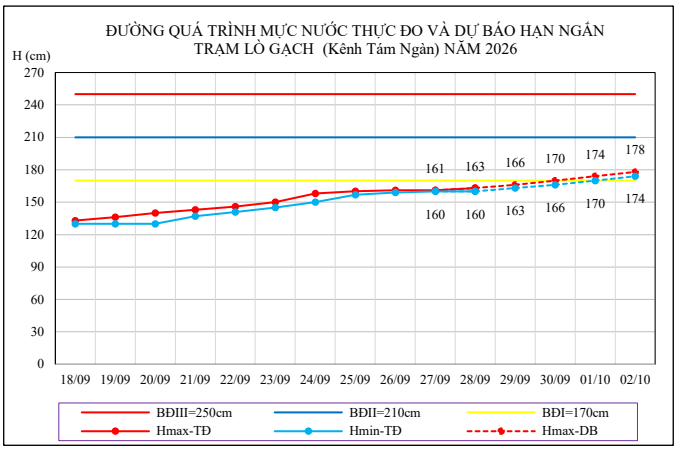
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
270
240
210
180
150
120
90
60
30
0
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
161 163 166 170 174 178
160 160 163 166 170 174
BĐIII=250cm
BĐII=210cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

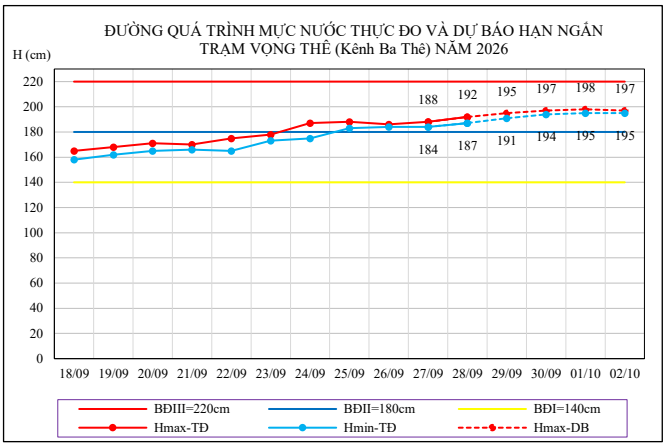
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
220
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
188 192 195 197 198 197
184 187 191 194 195 195
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI=140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

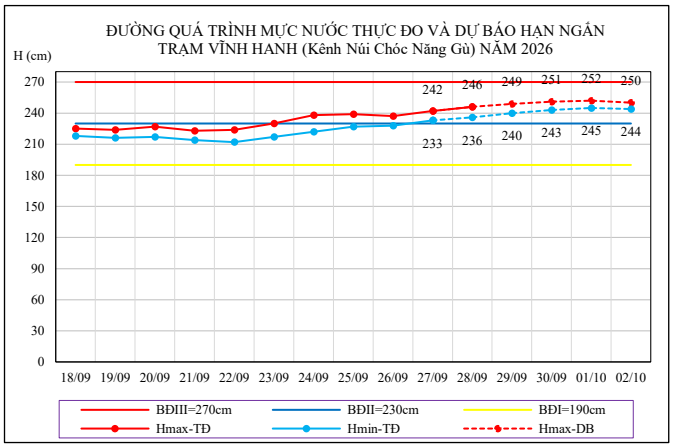
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
270
240
210
180
150
120
90
60
30
0
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
242 246 249 251 252 250
233 236 240 243 245 244
BĐIII=270cm
BĐII=230cm
BĐI=190cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

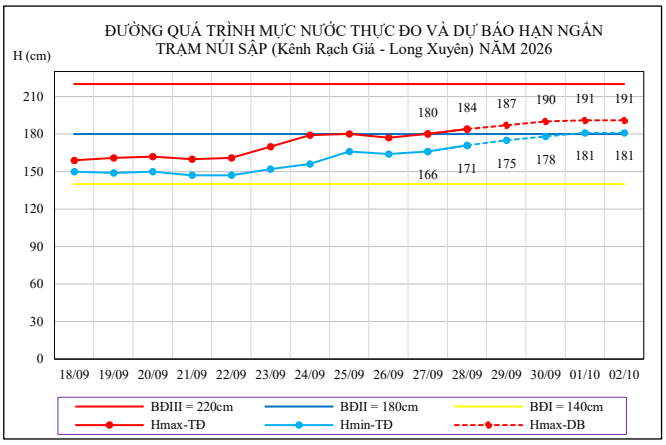
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
210
180
150
120
90
60
30
0
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
180 184 187 190 191 191
166 171 175 178 181 181
BĐIII = 220cm
BĐII = 180cm
BĐI = 140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

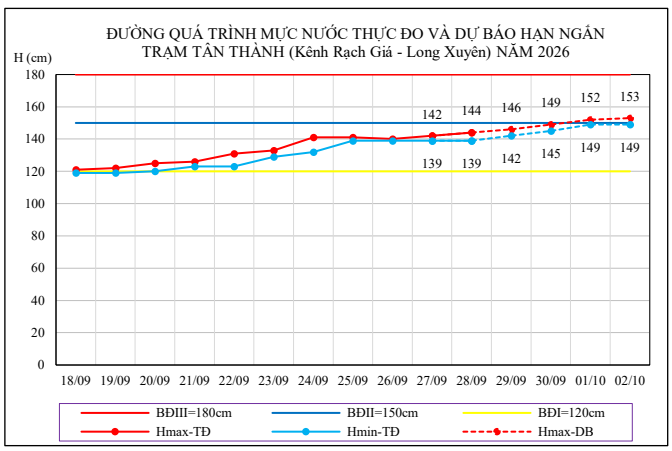
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
142 144 146 149 152 153
139 139 142 145 149 149
BĐIII=180cm
BĐII=150cm
BĐI=120cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

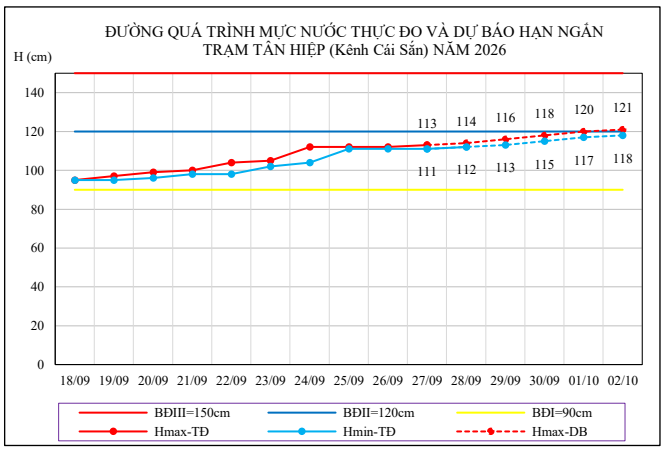
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
140
120
100
80
60
40
20
0
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
113 114 116 118 120 121
111 112 113 115 117 118
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

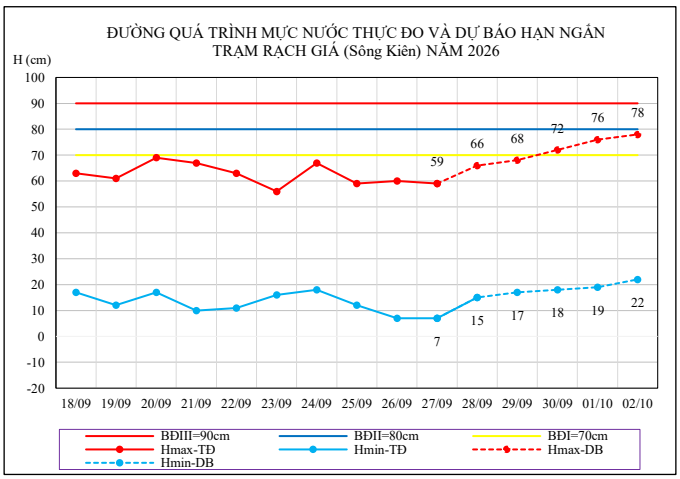
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
-10
-20
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
59 66 68 72 76 78
7 15 17 18 19 22
BĐIII=90cm
BĐII=80cm
BĐI=70cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

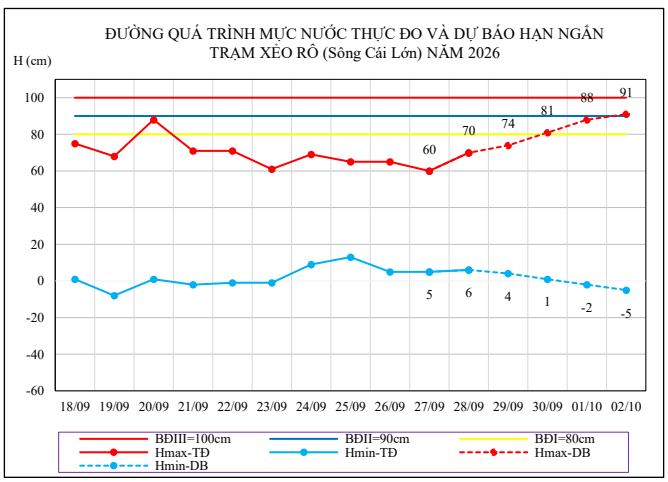
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
100
80
60
40
20
0
-20
-40
-60
18/09 19/09 20/09 21/09 22/09 23/09 24/09 25/09 26/09 27/09 28/09 29/09 30/09 01/10 02/10
60 70 74 81 88 91
5 6 4 1 -2 -5
BĐIII=100cm
BĐII=90cm
BĐI=80cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB